

NHÂN DANH

NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA MÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phố hiện đang xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nguyệt

- A tham nhân dân: 1. Bà Lương Thị Phương

2. Bà Dương Thị Diễm

- Thẩm ký phiên tòa: A Huy – Thẩm ký B nhân dân quận C, thành phố A.

- Hội đồng Viện kiểm sát nhân dân quận A, thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đào Linh Trang – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 06 và ngày 27 tháng 06 năm XX, tại Trại s A nhân dân quận B, thành phố C mở phiên tòa xét xử công khai vụ A s theo lý s: 363/XX/TLST – DS ngày 02 tháng 12 năm XX về vi phạm “Yêu cầu chia thừa kế” theo B v án ra xét xử s: 179/XX/QST-DS ngày 22 tháng 05 năm XX; C hoãn s 93/XX/HPT ngày 03 tháng 06 năm XX giữa các s:

A: B; sinh năm: XX; CCCD s XX do C c cnh sát QLHC TTXH C cấp này 10/07/XX. KHKT: S 88 A, phường A, quận B, thành phố C.

A: B; sinh năm XX; CCCD s XX do B công an cấp ngày 14/01/XX. KHHT: S 84 C, phường C, quận A, thành phố B.

Luật s báo v quy và lợi ích h p pháp: Luật s A, luật s Công ty Luật TNHH B – Đoàn luật s thành phố C.

Người có quy và ngh a v liên quan:

A; Sinh năm XX; KHKT: s 86 B, phường B, quận C, thành phố A.

A; Sinh năm XX; KHKT: s 90 B, phường B, quận C, thành phố A.

A; Sinh năm XX; KHKT: s 82 B, phường B, quận C, thành phố A.

Có mặt: A, bà Phương bà Hòa và B ;

Vng mặt: A ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

A khi kiện, báo t khai và các v b n t tng khác trong quá trình gi quy t v án, nguyên B Bình trình bày:

B m tôi là A và bà B có năm ng người con là: C; A; B; C và tôi. B m tôi có li di s n thừa kế là nhà và t t i s 23 t 1 làng A, phường A, quận B, thành phố C (nay là s 8 ngõ 42 A, phường A, quận B, thành phố C). B tôi m t năm XX, vào ngày 20/8/XX m tôi có m i di Lan (em gái c a bà Tú) l p thành v n b n ghi nh n s thừa thu n phân chia toàn b di s n c a b m. Theo s thừa thu n phân chia c a t t c nh ng ng i con chung c a b m tôi (B, m tôi) không có con riêng, con ngoài giá thú, không có con nuôi) ngoài ra còn có s chng ki n c a A – t trng ng dân ph. Nội dung c th c a biên b n bàn giao thừa kế B tôi n p t i

Tôi xác nhận thông tin mà A trình bày, tôi có nhận số tiền 128.000.000 đồng của anh B cho gia đình anh Bình vào sinh sống tại địa chỉ nhà số 23 tổ 1 làng C, phường C, quận A, thành phố B (nay là số 8 ngõ 42 C, phường C, quận A, thành phố B). Tôi không xác nhận nội dung được ghi tại biên bản bàn giao thửa đất ngày 20/8/XX vì tôi xác C là vợ bạn cũ kết hợp. Thực tế tôi luôn xác định số tiền anh Bình giao cho tôi là tiền thuê nhà mà anh Bình trả cho mẹ tôi và vợ chồng anh A sống tại nhà số 23 tổ 1 làng C mang tên chủ tài sản là B và bà C. Khi anh Bình khởi kiện tôi mẹ tôi biết ý định của anh Bình là địa điểm ngày 20 tháng 08 năm XX là phân chia di

sản thừa kế theo nguyên vọng của bố tôi.

Số tiền 128.000.000 đồng nhàn của anh Bình và ký văn bản nhàn ngày 20 tháng 08 năm XX, tôi xác định không phải là giá trị phần thừa kế nhàn anh Bình trình bày. A, nay tôi đồng ý B giải quyết chia di sản thừa kế trên theo quy định và mong muốn của bố mẹ tôi là tôi làm cho các con trai mới ngời hạnh phúc hàng 1/6 di sản.

Tôi và số tiền tôi đã nhàn tôi chấp nhận trả lại anh Bình quy định theo thời giá (giá trị của bất động sản, hoặc vàng, hoặc tài giá USD, hoặc lãi suất của ngân hàng) của thời điểm ngày 20/8/XX cho thời ngày A có phân quyết cuối cùng.

Ngoài những thông tin trên bên tôi không trình bày gì thêm.

Ngời có quyền và nghĩa vụ liên quan:

A, B, bà C có quan điểm xác nhận toàn bộ việc phân chia di sản thừa kế và việc đã trực tiếp nhận tiền tài việc phân chia di sản và bàn giao nhà đất là di sản thừa kế cho A nhàn B trình bày. Đồng ý C công nhận việc phân chia di sản thừa kế theo nội dung biên bản bàn giao thừa kế ngày 20/8/XX do những người thu nhận hàng thừa kế thời nhất của cả A thời hiện.

A, bà Phóng, bà B xác nhận khi thời nhận số tiền theo thừa thu nhận và giao nhà đất cho nhà C không ai có ý kiến phản hồi nhận cần hoặc phân bác nội dung phân chia chỉ thời khi việc công C thời hiện các thời thời đồng ý chấp giữ công nhận quy định số đồng thời theo nội dung nhận di sản thừa kế theo biên bản bàn giao thừa kế ngày 20/8/XX, A mới có ý kiến đòi phân chia thừa kế lại đồng thời trả lại số tiền đã nhàn của C và không thừa nhận nội dung biên bản bàn giao thừa kế ngày 20/8/XX.

Ngời làm công- A- Tôi trình dân pháp do cả B (V cả C) mới tham gia công kiện lập biên bản giao nhận thừa kế trình bày: Toàn bộ nội dung biên bản bàn giao thừa kế ngày 20/8/XX là có thời thời vì ông là người công kiện việc giao kết theo thừa thu nhận giao tiền nhàn nhà đất gia A và các em trai em gái có số công kiện của bà Tú và bà Lan. Ngoài ra B không có ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ A Minh có đồng ý B trình cầu giám C và biên bản bàn giao thừa kế ngày 20/8/XX do xác định văn bản này là giải pháp chốt dán. A ra quyết định trình cầu giám C và biên bản bàn giao thừa kế ngày 20/8/XX thời cả quan có thêm quyền giám định những việc các tài liệu do B cung cấp kèm theo yêu cầu giám định cả quan có thêm quyền đã kết luận không C kiện giám định.

Thời phiên tòa hôm nay:

A: Giải nguyên yêu cầu khi kiện và thời khi kiện bổ sung công nhàn phần trình bày thời B.

A: Giải nguyên yêu cầu chia thừa kế của cả Sinh theo di chúc, cả thời B muốn nhàn 1/6 di sản của cả Sinh đồng hiện và.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Đồng ý HXX chấp nhận yêu cầu khi kiện của A và bác yêu cầu phần thời của B, công nhận quyền tài sản C thời hiện đồng ký biên bản theo biên bản thừa thu nhận gia đình lập ngày 20 tháng 08 năm XX.

* Tôi di dân Văn kiện sát nhân dân quán A, thành phố B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

V thời thời: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thời phán quyết phân công giải quyết vụ A thời hiện đồng quy định của B luật thời thời dân số trong việc xác định nội dung tranh chấp, thêm quyền giải quyết tranh chấp, thời cách người tham gia thời thời, thời thời khi kiện; thời hành thu thập công cả B, thời hành mới phiên họp kiểm tra việc giao nộp, thời cả, công khai

chống cù và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tặng và giao nhận văn bản từ tổng dân số đúng quy định của pháp luật. Tòa phiên tòa, C xét xử và Thụ ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. A, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện B quyền và nghĩa vụ tố tụng. B xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã tổng kết hợp lệ cho phiên xét xử là đúng thủ tục.

A chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp tiền khi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm B phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

A, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan B thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, điều 72, điều 73, điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa phiên tòa ngày 03 tháng 6 năm XX, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. C hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào ngày 03 tháng 06 năm XX theo đúng quy định tại khoản 1 điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm XX.

Vấn đề nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Hội đồng Viện kiểm sát nhân dân quận A nhận B xét xử:

Sau khi phân tích nội dung vụ án, Hội đồng Viện kiểm sát nhân dân quận A nhận B xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu công nhận việc phân chia di sản theo thỏa thuận với di sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ: nhà số 23 tổ 1 làng C, phường C, quận A, thành phố B (nay là số 8 ngõ 42 C, phường C, quận A, thành phố B) theo thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của C và ý chí A tài sản của bà B.

Không chấp nhận yêu cầu phần từ của A về việc tuyên biên bản bàn giao thừa kế ngày 20/8/XX là giả mạo; không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế với di sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ: nhà số 23 tổ 1 làng B, phường B, quận C, thành phố A (nay là số 8 ngõ 42 B, phường B, quận C, thành phố A) của A.

Án phí sẽ thêm: A sẽ nộp là những người cao tuổi nên HXX áp dụng miễn án phí chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

A, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Luật sư A – Người bào chữa quyền và lợi ích hợp pháp của B bày:

- Xem xét việc tuân thủ quy định pháp luật và tính có hiệu lực bản di chúc của cố Sinh lập ngày 10 tháng 10 năm XX về hình thức và nội dung. Nên HXX chia cho A 1/6 di sản thừa kế bằng hiện vật.

Nên HXX A không công nhận giá trị pháp lý của biên bản bàn giao thừa kế ngày 20 tháng 8 năm XX.

Nên HXX xem xét về giá trị quyền sở hữu đất; về diện tích thừa đất theo biên bản thêm định hiện trạng và số liệu trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất.

NHÂN DÂN CẢ TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ A thêm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, B xét xử nhận định:

[1] Về thêm quyền và thời hiệu khởi kiện.

A khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại địa chỉ chia di sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ: nhà số 23 tổ 1 làng B, phường B, quận C, thành phố A (nay là số 8 ngõ 42 B, phường B,

quận C, thành phố A) là di sản thừa kế của B và bà C.

A B chết: S 84 C, phường C, quận A, thành phố B. Do vậy, nguyên C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế A nhân dân quận A. Căn cứ vào khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm XX, B nhân dân quận A thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Vụ thời hiệu ng ời thừa kế yêu cầu chia di sản: A, mất năm XX; B, mất năm XX. Căn cứ theo điều 623 Bộ luật dân sự năm XX. Tại phiên 1 C 01/G-TANDTC năm XX có quy A với tr ợng hợp thừa kế mà tr ợc ngày 10/9/XX thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bắt ợng sản ợc thực hiện theo quy ịnh tại điều 36 của Pháp ệnh thừa kế năm XX và h ợng dân tại Ngh ị quyết số 02/H-TP ngày 19/10/XX của B phán C nhân dân tại cao h ợng dân áp dụng một số quy ịnh của Pháp ệnh Thừa kế, cụ thể là thời hiệu khởi kiện ợc tính từ ngày 10/9/XX. Căn cứ điều 611 Bộ luật dân sự năm XX. C nhân dân quận A thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

[2] Vụ tố tụng:

A có ợn ngày 20 tháng 11 năm XX yêu cầu vi ợc thừa nhận theo biên bản bàn giao thừa kế ngày 20 tháng 08 năm XX. TAND quận B thụ lý vi ợc dân sự.

Ngày 19 tháng 02 năm XX A có ợn yêu cầu phân chia theo pháp luật, bác Vụ bản, biên bản bàn giao thừa kế ngày 20 tháng 08 năm XX và xin h ợng di sản của bà mẹ bằng hiện vật. Nh ợ vậy cần thiết phải chuyển vi ợc dân sự thành vụ án dân sự. B: C A; B: C. Yêu cầu ợc lập của A khi ghi quy ợt vi ợc dân sự xác ịnh là yêu cầu phân t ợ của bà ợn.

Quá trình ghi quyết vụ án, nguyên ợn, bà ợn tham gia các phiên làm vi ợc tại A theo ợng quy ịnh; Nh ợng ng ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan B nh ợn các văn bản tố tụng, tiến hành niêm yết văn bản tố tụng của A theo quy ịnh, có bản t ợ khai g ợi tại A. A nhân dân quận C ra quyết ịnh xét xử theo ợng thời hạn luật ịnh. Tại phiên tòa ngày 03/06/XX, nh ợng ng ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên A xét xử ợ ra B hoãn phiên tòa số: 93/XX/Q-ST-HPT ngày 03 tháng 06 năm XX. Tại phiên tòa hôm nay, ng ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu ợc lập, C tr ợu tập l ợn thời hai tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. A, căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, A xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Vụ nội dung:

[3.1] Vụ ngu ợn gốc nhà số 23 t ợ 1 làng A, phường A, quận B, thành phố C (nay là số 8 ngõ 42 A, phường A, quận B, thành phố C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng ợt, quyền sử dụng nhà ợ và tài sản khác g ợn liên với ợt h ợ số gốc số: XX.XX (194.XX.Q-UB) do UBND thành phố C, cấp ngày 10/01/XX ợng tên A và bà B.

Theo tài liệu chứng cứ do nguyên ợn cung cấp ợ xác A Sinh và bà B là vợ chồng (theo xác nh ợn thông tin trong lý lịch ợng viên của bà B). Nh ợn thấy tài sản mà nguyên ợn yêu cầu chia thừa kế là tài sản ợc hình thành trong thời kỳ hôn nhân g ợa C và bà Tú; A là tài sản chung của vợ chồng cùng tôn ợo.

[3.2] A và bà Tú có năm ng ời con là: B, sinh năm XX; C, sinh năm XX; A, sinh năm XX; B, sinh năm XX; C, sinh năm XX. Ngoài 05 ng ời con chung của Sinh và của không có con riêng con ngoài giá thú. Khi của Sinh mất xác ịnh hàng thừa kế thì nh ợt của của có vợ và các con vì của của B mất t ợ lâu. C mất ợ l ợi di chúc lập ngày 10 tháng 10 năm XX. Ngày 20 tháng 08 năm XX của Tú cùng các con ợ lập biên bản theo thừa nhận phân chia di sản thừa kế, theo thừa nhận A thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiến cho các em của của: Thanh toán cho bà B:

64.000.000 ợng; Thanh toán cho B: 128.000.000 ợng; Thanh toán bà A 64.000.000 ợng; Thanh toán C 128.000.000 ợng. A mất năm XX.

[3.3] Về bản di chúc của cha C Sinh lập ngày 10 tháng 10 năm XX A xét xét thấy căn cứ Điều 653,655 BLDS năm XX di chúc của cha C phù hợp với hình thức. Về nội dung B tài sản, xác định bản di chúc của cha C Sinh ghi là “ba mẹ mong muốn” nhưng thực tế không có ý chỉ của cha C Tú, thực hiện cha C Tú không ký tên riêng hay xác nhận nội dung di chúc của cha C Sinh lập ngày 10 tháng 10 năm XX, do đó xác định bản di chúc trên chỉ có hiệu lực với phần tài sản của cha C Sinh trong khối tài sản chung với cha C Tú trong thời kỳ hôn nhân.

[3.4] Tài biên bản bàn giao thửa đất ngày 20 tháng 8 năm XX do cha A và các con thực hiện thực hiện di chúc của cha B thực hiện phân chia tài sản theo đúng ý nguyện của cha C Sinh. Như vậy thực hiện C và các thành viên đều công nhận nội dung di chúc của A là mặc dù cha B có phần tài sản chung của cha C Tú trong thời kỳ hôn nhân của hai cha; song thời đã xác định cha thực giá trị 1/6 tài sản là 128.000.000 đồng, các bên cùng ký và nhận tiền.

Theo văn bản thực hiện gia đình, A trực tiếp quản lý sử dụng nhà đất từ năm XX đến nay tuân thủ các thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền B phải hoàn tất các thủ tục thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thực hiện ngày 20 tháng 08 năm XX, C không đồng ý với di sản thừa kế thuộc quyền tài sản của B; không hoàn tất ký nhận A thực hiện theo thực hiện. B khi kiện yêu cầu C công nhận quyền thừa kế với nhà đất tại số 23 tổ 1 làng A, phường A, quận B, thành phố C (nay là số 8 ngõ 42 A, phường A, quận B, thành phố C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số gốc số: XX.XX (194.XX.Q-UB) do UBND thành phố C, cấp ngày 10/01/XX đồng tên A và bà B.

HXX xác định không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ nội dung di chúc của cha C Sinh lập ngày 10 tháng 10 năm XX vì Bản di chúc của cha C Tú năm XX có nhiều điểm mâu thuẫn.

Tài biên bản ngày 20 tháng 08 năm XX ghi rõ “ Chiếu theo nguyện vọng của A (B - đã chết)...”nhưng vậy thực hiện phân chia không trái pháp luật, không trái B xã hội song thời đã khác phức tạp những mâu thuẫn, không phù hợp pháp luật trong bản di chúc của cha C Tú. Những mâu thuẫn trong bản di chúc của cha C Sinh: Cha mẹ cha C Sinh mong muốn nhà đất mang tên cha C Sinh cha C thực cúng làm lễ niệm cho con cháu mâu thuẫn với việc di chúc xác định chia làm 06 phần chia cho từng người. Phần tiếp theo cha C Sinh xác định sau khi hai cha mẹ mất sẽ phân chia, việc phân chia 77m2 nhà đất tại số 23 tổ 1 làng A, phường A, quận B, thành phố C (nay là số 8 ngõ 42 A, phường A, quận B, thành phố C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số gốc số: XX.XX (194.XX.Q-UB) do UBND thành phố C, cấp ngày 10/01/XX đồng tên A và bà B. C có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký biến động theo quy định pháp luật và không ai được cản trở.

Như vậy nội dung thực hiện của lập ngày 20 tháng 08 năm XX thực hiện đúng ý chỉ của cha C Sinh những khác phức tạp toàn bộ những bất cập của phù hợp pháp luật của cha C Sinh trong bản di chúc, không trái quy phạm A xã hội và các thành viên đều ký biên bản nhận đúng giá trị kế phần theo phân chia của B xét xét chấp nhận là thực hiện phân chia di sản thừa kế theo di chúc lập XX của cha C Sinh, do đó căn chấp nhận yêu cầu khi kiện của C và công nhận quyền tài sản của C với nhà đất tại số 23 tổ 1 làng A, phường A, quận B, thành phố C (nay là số 8 ngõ 42 A, phường A, quận B, thành phố C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số gốc số: XX.XX (194.XX.Q-UB) do UBND thành phố C, cấp ngày 10/01/XX đồng tên A và bà B. C có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký biến động theo quy định pháp luật và không ai được cản trở.

[3.5] Về yêu cầu phần của A:

Ngày 10/3/XX A có ý kiến đề nghị chia lại tài sản thừa kế, A không đồng ý với biên bản bàn giao thửa đất lập ngày 20 tháng 8 năm XX và đề nghị phải được nhận phần di sản thừa kế của mình đúng như quy định của pháp luật (tổng cộng 1/6 di sản bằng hiện vật). B xác nhận có nhận 128.000.000 đồng của C vì lý do A không được biết nội dung di chúc của cha C Sinh; không biết ý định phân chia di sản thừa kế nên mặc nhiên coi đó là tiền A B ý cho vợ chồng C phép chăm sóc cha C Tú tại ngôi nhà mang tên cha C Sinh cha C Tú.

Đãi với số tiền A nhận B chấp nhận trả lại C quy định theo thời giá (giá trị của bất động sản, hoặc vàng, hoặc tài giá USD, hoặc lãi suất của ngân hàng) của thời điểm ngày 20/8/XX cho tới ngày A có phản quyết cuối cùng.

A trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa B bà Hòa bà C xác nhận: Nội dung biên bản bàn giao thửa đất lập ngày 20 tháng 08 năm XX thể hiện chi tiết theo nguyên vọng của A, số trả giá mỗi người nhận phân chia theo nguyên vọng của bà (B) và mẹ (C); Trong thời các thành viên tham gia nhận di sản thửa đất đều xác nhận biên bản lập khi tất cả mỗi người đều tự nguyện, mình mình không ai ép buộc ký hoặc nhận tiền. Vì vậy HĐXX xác định không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phân tài: Bác bỏ vụ bản biên bản bàn giao thửa đất lập ngày 20 tháng 08 năm XX và việc nhận chia di sản thửa đất theo pháp luật của A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, A báo quy định lợi ích của các bên theo quy B tiền hành trình của thẩm định giá. Theo kết quả thẩm định giá của công ty C bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 194.XX (194.XX.QUB) do UBND thành phố A, cấp ngày 10/01/XX mang tên B và bà C có giá trị 11.883.781.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, A, định giá tài sản tranh chấp nguyên nhân, bản có yêu cầu phân tài tự nguyện chịu nên B xét xử ghi nhận.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu lập; dành quyền khai kiến và án dân sự khác cho các trường hợp khi có các tài liệu chứng cứ và có yêu cầu.

[3.6] Về luận cứ báo về của luật sư A và B di chúc của cụ Sinh lập ngày 10 tháng 10 năm XX và biên bản bàn giao thửa đất lập ngày 20 tháng 8 năm XX B xét xử đã có quan điểm và không chấp nhận luận cứ của luật sư việc nhận chia cho C 1/6 di sản thửa đất bằng hiện vật.

Đãi với quan điểm của luật sư và phân không thống nhất Đãi với điểm tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 194.XX (194.XX.QUB) do UBND thành phố A, cấp ngày 10/01/XX mang tên B và bà C và biên bản thẩm A xét xử nhận thấy thực tế phân đất tên của cụ Tú và Sinh có bao gồm cả diện tích ngõ chung của nhà B và nhà cụ Sinh cụ Tú theo nhận xin mua nhà (số ngõ đi kèm theo) và diện tích nhà xây của cụ Sinh cụ Tú; Sau khi bán đất cho B cụ Sinh và cụ Tú không thực hiện đăng ký biến động nên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 194.XX (194.XX.QUB) do UBND thành phố A, cấp ngày 10/01/XX vẫn thể hiện cả diện tích bán ngõ cho B, thực tế hiện trạng di sản không có gì thay đổi. Tại biên bản thẩm định hiện trạng cũng như biên bản thẩm định giá cũng như biên bản thẩm thu của các thành viên trong gia C thể hiện di sản thửa đất không bao gồm phần diện tích ngõ vào nhà anh H. Như vậy xác định hiện trạng tài sản và giá trị tài sản không tính trên số mét vuông tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất. A nộp B mua bán nhà kèm theo nhận xin mua nhà có số diện tích ngõ có xác định của chính quyền địa phương vì thế không có căn cứ xem xét giá trị thực tế di sản bao gồm cả phần diện tích ngõ đi vào nhà anh H.

[4] A phí: B, bản có yêu cầu phân tài đều là những người cao tuổi của địa phương 13 Ngh quyết 326/UBTVQH14 vụ án phí là phí tại C nên không phải chịu án phí DSST.

Đãi di dân Viên kiểm sát nhân dân quận A tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của B xét xử nên ghi nhận.

[5] Về quyền kháng cáo:

A số người quy định kháng cáo theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm XX.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Cấm cản vào khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a, c khoản 1 điều 39; điều 227; khoản 3 điều 228; điều 271; điều 273; điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm XX.

Cấm cản điều 651, 656, 657 Bộ luật dân sự năm XX; Bộ luật dân sự năm XX.

Cấm cản điều 5, 125, 166, 167 và điều 170 A năm XX;

Cấm cản A 01/GT-TANDTC năm XX; điều 36 của Pháp lệnh thi hành án năm XX và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/XX của Bộ phận Công nhân dân tố cáo hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thi hành án; Nghị quyết 35/XX/QH10 ngày 09/6/XX của Quốc hội khóa X về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; điều 16, điều 29 của A nhân và gia đình XX;

Cấm cản điểm 1 khoản 1 điều 12; khoản 7 điều 27, Nghị quyết số 326/XX/UBTVQH14 ngày 30/12/XX của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí A.

Xét:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên A Bình về việc yêu cầu công nhận quyền tài sản theo thỏa thuận đã ghi nhận tại biên bản bàn giao thửa đất ngày 20/8/XX;

A được quyền quản lý sử dụng B với bất động sản tại số 23 tổ 1 làng C, phường C, quận A, thành phố B (nay là số 8 ngõ 42 C, phường C, quận A, thành phố B) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số gốc số: XX.XX (194.XX.QĐUB) do UBND thành phố B, cấp ngày 10/01/XX mang tên C và bà A.

A tự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện đăng ký biến động B với bất động sản tại số 23 tổ 1 làng C, phường C, quận A, thành phố B (nay là số 8 ngõ 42 C, phường C, quận A, thành phố B) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số gốc số: XX.XX (194.XX.QĐUB) do UBND thành phố B, cấp ngày 10/01/XX mang tên C và bà A.

Không ai được cản trở A thực hiện quyền tài sản với bất động sản trên.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của A về việc tuyên bố biên bản bàn giao thửa đất ngày 20/8/XX là giả mạo và chia di sản thửa đất của C và C theo pháp luật.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không đưa ra yêu cầu bồi thường nên A không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- A, B được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điều 13 Nghị quyết 326/UBTVQH14

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm ngỏ ý khiếu nại theo quy định của nguyên bản, bản, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có một tài phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 27 tháng 06 năm XX; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản A niêm yết hợp lệ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có bản thi hành án của ngườì được thi hành án cho đến khi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm XX, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bên A thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ngườì được thi hành án dân sự, ngườì phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành A thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT A THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỊCH PHIÊN TÒA